

CHI VIỆN Y TẾ CỦA VIỆT NAM CHO CÁCH MẠNG LÀO TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1964

NGUYỄN THỊ DUNG HUYỀN*

Sau Hiệp định Genève 1954, Mỹ thay thế Pháp tại Đông Dương, thúc đẩy chiến lược xâm lược mới nhằm ngăn chặn cách mạng và phong trào giải phóng dân tộc trên toàn cầu. Trước sự đe dọa này, Việt Nam và Lào xác định Đông Dương là chiến trường thống nhất, tăng cường liên minh chiến đấu và phối hợp toàn diện trên các lĩnh vực, trong đó lĩnh vực y tế ít được chú ý trong chiến tranh. Thực hiện tư tưởng quốc tế vô sản và phương châm “giúp bạn là tự giúp mình” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt Nam coi việc chi viện y tế cho cách mạng Lào là nhiệm vụ chiến lược và nghĩa vụ quốc tế. Bài viết tập trung phân tích quá trình chi viện y tế của Việt Nam đối với cách mạng Lào trong giai đoạn 1954-1964. Đây là thời kỳ khởi đầu của ngành y tế cách mạng Lào với sự hỗ trợ tích cực từ Việt Nam, đồng thời cũng đánh dấu bước mở đầu cho hoạt động chi viện y tế của Việt Nam cho cách mạng Lào thông qua các đoàn chuyên gia và lớp huấn luyện.

1. Yêu cầu và cơ sở pháp lý của quá trình chi viện y tế cho cách mạng Lào

Sau năm 1954, cũng như Việt Nam, Lào đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức do hậu quả chiến tranh để lại. Là một quốc gia vừa bước ra khỏi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Lào rơi vào tình trạng suy kiệt về kinh tế, cơ sở hạ tầng bị tàn phá nghiêm trọng, đời sống văn hóa - xã hội trì trệ, sản xuất đình đốn kéo dài.

Trong bức tranh toàn cảnh đó, lĩnh vực y tế cũng rơi vào khủng hoảng trầm trọng, hầu như không còn khả năng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cơ bản cho nhân dân, dẫn tới hệ quả là thể trạng nhân dân suy giảm nghiêm trọng trên diện rộng. Dịch bệnh bùng phát mạnh mẽ, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm đe dọa trực tiếp đến sức khỏe và sinh mạng của hàng triệu người dân. Hệ thống y tế vốn đã thiếu đồng bộ lại càng trở nên rời rạc khi các cơ sở y tế chỉ xuất hiện rải rác tại các trung tâm đô thị hoặc trong phạm vi đồn điền do thực dân Pháp thiết lập trước đó. Những cơ sở này chủ yếu phục vụ cho tầng lớp thống trị và bộ máy cai trị thuộc địa, chứ không hướng tới lợi ích của đại đa số nhân dân lao động. Nguồn thuốc điều trị khan hiếm, giá thành cao, chỉ đáp ứng cho một bộ phận dân cư có điều kiện kinh tế trong khi đó, đại đa số người dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, buộc phải dựa vào các hình thức chữa bệnh dân gian, tín ngưỡng, hoặc cúng bái truyền thống (1).

Trước tình hình đó, nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách từ cách mạng Lào, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã nhanh chóng thành lập các cơ quan chuyên trách xây dựng kế hoạch và triển khai các chương trình viện trợ y tế phù hợp. Trong số đó, các tổ chức như Ban Cán sự Lào - Miên, Ban Công tác Lào giữ vai trò nòng cốt trong việc nghiên cứu, đề xuất chủ trương, chính sách chi

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

viện, tổ chức hậu cần, điều động cán bộ, bác sĩ, dược sĩ và chuyên gia y tế sang trực tiếp hỗ trợ Lào trên nhiều địa bàn chiến lược. Sự hỗ trợ có hệ thống, toàn diện và kịp thời từ phía Việt Nam không chỉ góp phần giúp Chính phủ Lào ổn định tình hình kinh tế - xã hội tại các vùng giải phóng, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố lực lượng kháng chiến, mở rộng vùng kiểm soát và nâng cao khả năng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Nhận thức sâu sắc về vai trò đặc biệt quan trọng của công tác chi viện y tế đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc tại Lào, ngày 2-7-1959, tại Hội nghị Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã chính thức xác định nhiệm vụ chi viện cho cách mạng Lào là một trọng trách quốc tế có ý nghĩa chiến lược (2). Trong đó, xây dựng và phát triển lực lượng y tế được xem là nhiệm vụ then chốt, vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa mang ý nghĩa lâu dài trong việc củng cố lực lượng cách mạng Lào, xây dựng hậu phương vững chắc và từng bước chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Quá trình chi viện của Việt Nam đối với Lào trong lĩnh vực y tế bắt đầu chính thức từ ngày 12-2-1960, sau khi Chính phủ vương quốc Lào gửi Nghị định thư đề nghị Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cử một Đoàn y tế Hồng thập tự sang hỗ trợ công tác cứu chữa nạn nhân chiến tranh, khám chữa bệnh cho nhân dân, đồng thời tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ y tế cho Lào. Sau nghị định thư hai bên ký kết nhiều hiệp định hợp tác song phương trong các lĩnh vực y tế cùng với hệ thống nghị định thư, công hàm, công văn và kế hoạch viện trợ cụ thể. Những văn kiện này không chỉ đóng vai trò là cơ sở pháp lý cho hoạt động chi viện, mà còn thể hiện tính hệ

thống, liên tục và chủ động trong chính sách đối ngoại và đoàn kết quốc tế của Việt Nam đối với cách mạng Lào trong giai đoạn này.

Ngày 5-12-1961, trong bối cảnh tăng cường phối hợp và chuyên môn hóa công tác chi viện cho cách mạng Lào, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết nghị số 208-CP, quyết định giải thể Ban Tiếp tế Trung ương (3) và chuyển toàn bộ chức năng của cơ quan này sang Bộ Ngoại thương. Sau khi hoàn tất quá trình bàn giao, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thành lập “phòng Lào” nhằm tập trung thực hiện nhiệm vụ kế hoạch hóa và điều phối viện trợ đối với Lào, bảo đảm tính thống nhất và hiệu quả trong triển khai chính sách viện trợ quốc tế của Việt Nam đối với nước bạn. Tiếp đó, ngày 29-12-1961, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ban hành Công văn số 4364 phê duyệt cấp phát vật tư y tế phục vụ hoạt động của Bệnh viện Hồng thập tự tại Lào. Theo đó, Việt Nam đã viện trợ thuốc điều trị với tổng trị giá 5.275.970 đồng, cùng với các vật dụng thiết yếu khác như văn phòng phẩm, quần áo cho bệnh nhân với tổng trị giá 445,13 đồng (4). Trong năm 1962, Chính phủ Việt Nam và Lào tiếp tục tăng cường hợp tác thông qua ký kết và trao đổi nhiều văn bản, công hàm có giá trị pháp lý, qua đó tạo cơ sở vững chắc cho việc mở rộng quy mô và hiệu quả công tác viện trợ y tế như: Công văn ngày 16-1-1962 về việc bàn giao Bệnh viện Hồng thập tự Việt Nam tại Phongsaly cho Chính phủ Lào trực tiếp quản lý, đánh dấu bước chuyển giao quan trọng nhằm từng bước trao quyền tự chủ cho Lào trong công tác y tế; Công hàm số 183-AE, ngày 17-2-1962 của Bộ Ngoại giao Chính phủ Lào gửi Đại diện kinh tế và văn hóa Việt Nam tại Lào đề nghị gia hạn thời gian công tác cho đoàn chuyên gia y tế Việt Nam; Công văn ngày

16-3-1962 của đồng chí Nguyễn Văn Trọng, Phó phòng Liên lạc quốc tế gửi Phòng Lào về phương hướng hợp tác y tế, góp phần định hướng chiến lược cho các chương trình hỗ trợ dài hạn trong lĩnh vực y tế dự phòng và đào tạo cán bộ; Ngày 17-3-1962, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã gửi thư tới Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, chính thức đồng ý cho phía Lào vay 150.000 đồng thuốc điều trị, thể hiện tinh thần tương thân tương ái trong điều kiện vật chất còn nhiều hạn chế. Tiếp đó, ngày 22-3-1962, Chính phủ Việt Nam ban hành công văn về việc tiếp nhận và điều trị 130 bệnh nhân Lào tại Việt Nam, bao gồm 30 trường hợp thương binh hoặc bệnh ngoại khoa, 50 ca nội khoa cấp tính và 50 bệnh nhân cần phục hình chân tay hoặc mắt giả (5). Cùng ngày, Bộ Y tế cũng quyết định cử một đoàn cán bộ y tế sang công tác tại tỉnh Phongsaly, nhằm củng cố mạng lưới khám chữa bệnh tại các vùng giải phóng. Đặc biệt, ngày 27-3-1962, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi Công hàm số 205-REC, chấp thuận cử đoàn cán bộ y tế mang theo thuốc điều trị sang tỉnh Xiengkhuang và Sam Neua hỗ trợ khống chế các dịch bệnh nguy hiểm đang bùng phát như tả, sởi và một số bệnh truyền nhiễm khác. Điểm nhấn của nỗ lực hợp tác song phương trong năm 1962 là ngày 25-5-1962 Chính phủ hai nước ký kết Nghị định thư viện trợ y tế. Đây là một cột mốc quan trọng trong quan hệ hợp tác trên lĩnh vực y tế, cũng như định hình cơ sở pháp lý lâu dài cho quan hệ hợp tác Lào - Việt Nam trong lĩnh vực y tế.

Hệ thống các văn bản hành chính, nghị định thư và thỏa thuận song phương đã góp phần thiết lập một khuôn khổ pháp lý tương đối toàn diện, tạo nền tảng thuận lợi để hoạt động chi viện y tế từ Việt Nam được triển khai bài bản, có hệ thống và đạt

hiệu quả thiết thực. Những hoạt động này không chỉ đáp ứng nhu cầu cấp bách của cách mạng Lào trong quá trình khôi phục và củng cố lực lượng, mà còn thể hiện rõ quan điểm quốc tế vô sản và phương châm “giúp bạn là tự giúp mình” của Đảng Lao động Việt Nam. Đây chính là một minh chứng tiêu biểu cho đường lối đối ngoại đúng đắn, nhân văn và nhất quán của Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên toàn bán đảo Đông Dương trong thập niên 1960.

2. Chi viện y tế của Việt Nam cho cách mạng Lào giai đoạn 1954-1964

2.1. Chi viện thuốc, trang thiết bị y tế

Ngay từ đầu năm 1962, trong khuôn khổ chương trình chi viện toàn diện cho cách mạng Lào, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã triển khai nhiều đợt chi viện y tế cụ thể, thiết thực. Ngày 22-1-1962, lô hàng chi viện đầu tiên bao gồm 39 hòm thuốc, với khối lượng 7.120 kg, trị giá 5.887.050 đồng đã được chuyển giao cho Bệnh viện Hồng thập tự tại Lào (6). Đây là một trong những cơ sở y tế trọng điểm do Việt Nam giúp Lào xây dựng và vận hành trong giai đoạn đầu. Tiếp đó, ngày 9-3-1962, một đợt chi viện khác được thực hiện, bao gồm một hòm thuốc trị giá 606.330 đồng, được gửi tới các khu an dưỡng tại Lào thông qua kênh đại diện kinh tế và văn hóa Lào tại Hà Nội (7).

Trong các tháng tiếp theo của năm 1962, Bộ Y tế Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục tổ chức nhiều đợt chi viện y tế với quy mô ngày càng lớn, phản ánh mức độ quan tâm sâu sắc và sự cam kết hỗ trợ lâu dài của Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng Lào. Ngày 22-3-1962, Bộ Y tế Việt Nam đã gửi 13 hòm thuốc phòng dịch tả, tương

đương 50.000 liều (8) cho Bộ Y tế Lào trong bối cảnh một số địa phương xuất hiện nguy cơ bùng phát dịch quy mô lớn. Ngày 28-3-1962, Chính phủ Việt Nam tiếp tục gửi 89 hòm thuốc với tổng khối lượng 2.477 kg, tương đương 14.038.001 đồng đến Bệnh viện Phongsaly (9). Ngày 31-3-1962, Việt Nam tiếp tục gửi 6 hòm thuốc nặng 140 kg, trị giá 2.890.039 đồng đến tỉnh Sam Neua (10) nhằm đáp ứng nhu cầu điều trị tại chỗ cho thương bệnh binh và nhân dân. Các hoạt động chi viện không chỉ dừng lại ở thuốc điều trị thông thường mà còn bao gồm cả vắc-xin phòng bệnh. Ngày 4-5-1962, theo Công hàm số 488/AE, Bộ Y tế Việt Nam chi viện một lô vật tư y tế chuyên dụng, bao gồm: 100 liều vắc-xin phòng bệnh dại (Antirabique), 20 ống tiêm (Seringues), 20 ống thủy tinh, 10 bơm tiêm loại 20 cc, 100 kim tiêm các cỡ 14-16-18 và một bình giữ lạnh (phích đá) để bảo quản vắc-xin trong điều kiện vận chuyển xa và môi trường khắc nghiệt (11). Đặc biệt, ngày 30-3-1963, thực hiện chỉ thị của Bộ Y tế và Bộ Ngoại giao, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã viện trợ 100.000 liều vắc-xin tam liên phòng bại liệt (Sabin), 60.000 liều vắc-xin phòng đậu mùa và 20.000 liều vắc-xin phòng bệnh dại. Số vắc-xin trên được phân phối tới 8 trạm y tế tại Thủ đô Viêng Chăn (12). Ngày 24-2-1964, nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách trong công tác phòng chống dịch bệnh tại các vùng giải phóng của Lào, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục viện trợ cho Lào 20.000 liều thuốc phòng dịch tả, đồng thời cử một đoàn cán bộ y tế sang phối hợp triển khai tiêm chủng. Số vắc-xin này được phân bổ và tổ chức tiêm tại các khu vực trọng điểm như Khang Khay, Xiengkhuang và các vùng phụ cận. Điều đó cho thấy bước chuyển từ hỗ trợ khẩn cấp sang chi viện có chiều sâu, mang tính chiến lược của Chính

phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bên cạnh đó, một chiến dịch vệ sinh phòng bệnh quy mô lớn cũng được phát động sâu rộng trong quần chúng nhân dân và các đơn vị lực lượng vũ trang, góp phần nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ sức khỏe và kiểm soát dịch bệnh trong điều kiện chiến tranh ác liệt. Có thể thấy những đợt chi viện liên tiếp trong khoảng thời gian ngắn cho thấy sự nỗ lực của Việt Nam trong việc vừa bảo đảm hậu cần y tế trong nước, vừa chia sẻ nguồn lực y tế cho sự nghiệp cách mạng của Lào.

Bên cạnh nguồn thuốc điều trị, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn hỗ trợ trang thiết bị và vật tư phục vụ điều trị nhằm cải thiện điều kiện chăm sóc y tế tại các cơ sở y tế của Lào trong vùng giải phóng. Theo đó, năm 1962, Bộ Y tế Việt Nam đã hỗ trợ 20 giường sắt cho Phonsavan và 30 giường sắt cho Bệnh viện Xiengkhuang (13), góp phần khắc phục tình trạng thiếu thốn trầm trọng về cơ sở vật chất điều trị nội trú. Ngoài ra, các loại vải vóc và dụng cụ hộ lý tương ứng với quy mô 50 giường bệnh cũng được chuyển giao, hỗ trợ thiết lập các phòng bệnh bán kiên cố phù hợp với điều kiện chiến tranh. Riêng bệnh viện Phongsaly đã nhận được khoản viện trợ vật tư trị giá 180.000 đồng, bao gồm nhiều loại thuốc điều trị đặc hiệu, hóa chất sát trùng, vật tư pha chế, kháng sinh phổ rộng và đặc biệt là các loại bột được hiếm vốn rất khó tiếp cận trong điều kiện bao vây, phong tỏa và chiến sự ác liệt.

Năm 1963 đánh dấu một bước phát triển vượt bậc trong công tác chi viện y tế của Việt Nam đối với cách mạng Lào cả về quy mô lẫn tiến độ triển khai. Đây là thời điểm đỉnh cao của hoạt động viện trợ khi Việt Nam đã chuyển giao cho Lào khoảng 1.500 hòm thuốc, với tổng trọng lượng ước tính khoảng 28 tấn (14). Ngoài ra, Quốc

doanh Dược phẩm Việt Nam đã phân phối hơn 50 tấn thuốc và dụng cụ y tế các loại, phục vụ yêu cầu điều trị, phòng dịch và cứu thương trên các địa bàn trọng điểm. Tham gia hỗ trợ còn có nhiều bệnh viện chuyên khoa tại Việt Nam như Bệnh viện Mắt Trung ương đã chuẩn bị và chuyển giao hơn 50 giường bệnh cùng trang thiết bị đi kèm cho các cơ sở y tế tại Phonsavan và Xiengkhuang.

Đầu năm 1964, khi tình hình chiến sự tại Cánh đồng Chum (Xiengkhuang) trở nên căng thẳng trước sức ép ngày càng gia tăng của quân đội Mỹ và tay sai, tại các vị trí chiến lược như Muang Phanh, Mường Khang và Phu Cút, các lực lượng Pathet Lào và lực lượng yêu nước đã chủ động mở nhiều đợt tấn công nhằm giữ vững và mở rộng vùng giải phóng. Trước yêu cầu cấp thiết của chiến dịch, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục triển khai các hoạt động chi viện y tế khẩn cấp, trong đó cung cấp 11.000 cuộn băng cá nhân được phân bổ cho ba địa phương trọng điểm gồm: Xiengkhuang (8.000 cuộn), Sam Neua (2.000 cuộn) và Salavan (1.000 cuộn) (15) để phục vụ công tác cứu chữa. Ngày 8-1-1964, Việt Nam tiếp tục cung cấp cho Bệnh viện Khang Khay 200 lọ Estherme (loại 150cc) và 100 lọ Kelen (loại 30cc) với tổng trị giá 1.095.000 đồng (16). Tiếp đó, ngày 17-1-1964, Bộ Y tế Việt Nam tiếp tục viện trợ thêm 2 hòm thuốc gây mê Ete (nặng 50 kg, trị giá 80.000 đồng) (17).

2.2. Hỗ trợ chuyên gia y tế

Bên cạnh viện trợ thuốc và trang thiết bị y tế, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn tổ chức các đoàn chuyên gia y tế trực tiếp sang Lào tham gia khám chữa bệnh, phòng chống dịch và đào tạo nhân lực y tế tại chỗ.

Ngay từ tháng 6-1960, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cử một đoàn cán bộ y tế gồm 5 thành viên, bao gồm bác sĩ và y sĩ sang công tác tại tỉnh Phongsaly trong thời gian 6 tháng (18). Nhiệm vụ của đoàn không chỉ giới hạn trong việc khám chữa bệnh, cấp cứu nội, ngoại khoa, mà còn huấn luyện y tá, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên y tế địa phương và triển khai các biện pháp vệ sinh phòng bệnh trong thị trấn cũng như vùng phụ cận. Trong thời gian công tác tại tỉnh Phongsaly, đoàn cán bộ y tế Việt Nam đã tiến hành khám bệnh cho 4.636 lượt bệnh nhân với trung bình khoảng 925 lượt mỗi tháng. Cơ cấu bệnh được đoàn chuyên gia y tế Việt Nam ghi nhận gồm có: bệnh sốt rét chiếm tỷ lệ cao nhất với 852 trường hợp (18%), tiếp theo là viêm phế quản với 464 trường hợp (10%), nhiễm giun sán có 225 trường hợp (5%), tiêu chảy có 151 trường hợp (3%) và lỵ Amip có 84 trường hợp (2%). Một số bệnh lý khác cũng xuất hiện như sâu răng có 80 trường hợp (1,7%), viêm màng tiếp hợp có 55 trường hợp (1,2%), lậu có 23 trường hợp (0,5%), hen suyễn có 21 trường hợp (0,5%), thấp khớp cấp có 38 trường hợp (0,8%) và lao phổi có 26 trường hợp (0,6%) (19). Ngoài ra, đoàn còn tiếp nhận điều trị cho các bệnh nhân mắc các chứng bệnh như viêm tai giữa, chàm eczema, thủy đậu, quai bị, hắc lao, giang mai và các loại chấn thương, vết thương khác.

Không chỉ hỗ trợ công tác khám bệnh ngoại trú, đoàn đã tổ chức điều trị nội trú cho 330 bệnh nhân, trong đó, bệnh sốt rét chiếm tỷ lệ cao nhất với 142 ca, các trường hợp bị thiếu máu (13 ca), giang mai (20 ca), viêm phế quản (10 ca), lao phổi (3 ca), viêm gan (3 ca), tê phù (9 ca), lỵ Amip (4 ca), thấp khớp (6 ca), vết thương nhiễm trùng (8 ca), viêm dây thần kinh (3 ca), bỏng (3 ca), viêm tinh hoàn (3 ca), suy nhược cơ thể (4 ca) và áp-xe nóng (4 ca) (20). Có thể nói,

sự hỗ trợ của đội ngũ chuyên gia y tế Việt Nam đã góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, từng bước hình thành hệ thống y tế cơ sở cho Lào.

Năm 1961, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ trương mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả chi viện trong bối cảnh tình hình chiến sự tại Lào ngày càng diễn biến phức tạp và khốc liệt. Tháng 7-1961, đáp ứng yêu cầu tăng cường chi viện y tế cho cách mạng Lào, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cử một đoàn cán bộ y tế gồm 15 y, bác sĩ sang công tác tại ba địa điểm trọng yếu: Phonsavan (9 người), Vangvieng (3 người) và Xiengkhuang (3 người) (21) thực hiện khám, chữa bệnh, hỗ trợ quản lý bệnh viện, xây dựng y tế cơ sở và đào tạo cán bộ, nhân viên y tế tại chỗ.

Thực hiện Nghị định thư viện trợ y tế giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Vương quốc Lào ký kết năm 1962, Việt Nam tổ chức một đoàn cán bộ y tế gồm 25 người sang công tác tại Lào, bao gồm: 6 cán bộ ngoại khoa, 1 nha sĩ, 1 cán bộ xét nghiệm trung cấp, 1 chuyên viên quản lý bệnh viện, 1 chuyên gia nhãn khoa, 1 dược sĩ, 1 cán bộ chuyên ngành tai - mũi - họng, 1 cán bộ sản khoa và 12 y tá phòng mổ (22). Đoàn được chia thành 7 nhóm đảm trách tại các địa bàn chiến lược như Phongsali, Xiengkhuang, Vangvieng, Sam Neua, Nhommalath và Phonsavan.

Bên cạnh các hoạt động chi viện thường xuyên, trong năm 1962, Việt Nam còn triển khai nhiều đợt điều động khẩn trương nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu từ thực tiễn chiến trường tại Lào. Ngày 26-5-1962, theo tờ trình số 2901-BYT/TC, 10 cán bộ y tế, gồm 1 bác sĩ, 5 y sĩ, 1 dược sĩ và 3 y tá được cử sang thay thế lực lượng của Hội Chữ thập đỏ đang hoạt động tại Lào (23). Cùng thời điểm, 15 cán bộ y tế, trong đó có 5

chuyên viên ngoại khoa, 9 y tá và 1 cán bộ quản lý bệnh viện được điều động tăng cường theo đúng Nghị định thư hợp tác y tế giữa hai Chính phủ. Đặc biệt, ngày 26-9-1962, thực hiện công hàm số 534-REC/62, Chính phủ Việt Nam đã cử khẩn cấp một đội y tế mang theo thuốc điều trị đến Moung Phiang Tong, tỉnh Luang Prabang, để hỗ trợ công tác khống chế và dập dịch. Sự ứng phó kịp thời này không chỉ góp phần kiểm soát tình hình dịch bệnh nguy cấp, mà còn thể hiện rõ cam kết của Việt Nam trong việc sát cánh cùng nhân dân Lào trong công cuộc bảo vệ sức khỏe cộng đồng giữa bối cảnh chiến tranh.

Từ tháng 4-1963, trước tình hình chiến sự diễn biến phức tạp tại khu vực Phonsavan, các chuyên gia y tế Việt Nam đang công tác tại đây được chỉ thị tạm thời ngừng hoạt động và sơ tán về các khu vực an toàn. Tuy nhiên, hai bộ phận trọng yếu là sản khoa và ngoại khoa vẫn kiên trì bám trụ và duy trì hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu cấp cứu và điều trị cho thương bệnh binh cũng như nhân dân địa phương. Trong thời gian này, các cán bộ y tế Việt Nam đã trực tiếp thực hiện nhiều ca mổ phức tạp, bao gồm: 3 ca mổ đẻ, 1 ca chấn thương sọ não, 2 trường hợp vết thương phổi và màng phổi, 1 ca cắt cụt chi do chấn thương nặng, 1 ca phẫu thuật dạ dày, 3 ca viêm ruột thừa cấp tính, 1 ca xử lý vết thương ở ruột già, cùng nhiều trường hợp gãy xương và chấn thương phần mềm khác (24).

Bên cạnh nhiệm vụ chuyên môn tại các bệnh viện trung tâm, đội ngũ bác sĩ và chuyên gia y tế Việt Nam còn trực tiếp hỗ trợ các cơ sở y tế của lực lượng Pathet Lào trong công tác phẫu thuật, thăm khám và tổ chức điều hành hoạt động bệnh viện. Các chuyên gia y tế Việt Nam còn trực tiếp chăm sóc sức khỏe cho nhiều lãnh đạo cấp

cao của Pathet Lào, thể hiện mức độ tin cậy cao và mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa hai bên. Đặc biệt, khi tình hình chiến sự đòi hỏi phải cơ động cao, các chuyên gia Việt Nam đã tích cực hỗ trợ chuyển dời, xây dựng các cơ sở y tế, đồng thời sắp xếp lại hệ thống khoa phòng, đảm bảo duy trì hoạt động y tế ổn định, phục vụ kịp thời yêu cầu chiến đấu và bảo vệ sức khỏe cho lực lượng cách mạng.

Tại Xiengkhuang, lực lượng y tế Việt Nam không chỉ hỗ trợ chuyên môn cho Bệnh viện tỉnh và hai đơn vị quân y chủ lực của Pathet Lào, mà còn trực tiếp tham gia giúp đỡ các bệnh xá, trạm y tế tại vùng sâu, vùng căn cứ. Hoạt động này vừa đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng, vừa góp phần nâng cao năng lực tổ chức và trình độ chuyên môn cho mạng lưới y tế cơ sở trong điều kiện chiến tranh khốc liệt và cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn.

Tại Vangvieng, các chuyên gia y tế Việt Nam đã trực tiếp hỗ trợ xây dựng hai khu nhà điều trị với tổng cộng 30 giường bệnh, đồng thời tổ chức thành lập một phòng mổ và tiến hành cải thiện điều kiện vệ sinh trong toàn bộ khu vực bệnh viện. Trên phương diện chuyên môn, đoàn chuyên gia y tế Việt Nam đã hướng dẫn kỹ thuật thực hành phẫu thuật các bệnh lý phổ biến như mổ ruột thừa, mổ sa ruột cho đội ngũ y tế địa phương. Trong bối cảnh địa phương chưa có cơ sở đào tạo y tế chính quy, đoàn chủ động triển khai chương trình bồi túc lý thuyết và thực hành cho 20 y tá, với thời lượng học tập định kỳ 2 buổi mỗi tuần. Bên cạnh đó, đoàn đã khám cho khoảng 2.500 lượt bệnh nhân, điều trị nội trú cho 200 trường hợp, thực hiện nhổ răng và phẫu thuật ngoại khoa cho 101 bệnh nhân, trong đó có 32 ca cấp cứu (25) góp phần không nhỏ vào việc củng cố năng lực y tế tại địa

phương trong điều kiện chiến tranh khốc liệt.

Tại Khang Khay, mặc dù bệnh viện phải sơ tán khẩn cấp do Mỹ ném bom nhưng với sự hỗ trợ của các y bác sĩ Việt Nam hoạt động khám chữa bệnh vẫn được duy trì đều đặn, với tổng cộng 8.517 lượt khám và 475 trường hợp điều trị nội trú. Về phẫu thuật, bệnh viện đã thực hiện 69 ca phẫu thuật lớn và trung bình, bao gồm các trường hợp phức tạp như: 4 ca vết thương sọ não, 4 ca bướu cổ, 5 ca đóng đinh xương đùi, 2 ca sa ruột, 2 ca sỏi bàng quang, 2 ca nang buồng trứng, 4 ca viêm ruột thừa, 1 ca thủng dạ dày, 1 ca hẹp môn vị, 3 ca cắt cụt chi, 3 ca vết thương phổi, 1 ca thất ống dẫn trứng và 5 ca các vết thương chi. Ngoài ra, 125 ca tiểu phẫu cũng được thực hiện trong điều kiện chiến tranh (26).

Bên cạnh đó, các chuyên gia y tế Việt Nam tích cực hỗ trợ các chuyên ngành chuyên sâu khác trong các cơ sở y tế của Lào, như: chuyên ngành sản khoa tiến hành khám thai 135 lượt, đỡ đẻ thường 49 ca, mổ Forceps 10 ca, nạo rau 16 ca; chuyên ngành nhãn khoa tiến hành khám 130 lượt, phẫu thuật 7 ca (gồm mổ lông quặm, lấy dị vật và khoét nhãn cầu); Răng - Hàm - Mặt tiến hành khám 480 lượt, nhổ răng 76 trường hợp, điều trị 25; Tai - Mũi - Họng tiến hành khám 230 lượt, phẫu thuật amidan 5 ca, nạo VA 27 ca (27). Mặc dù phải đối mặt với điều kiện chiến tranh khốc liệt, đội ngũ y tế Việt Nam tại Khang Khay vẫn nỗ lực duy trì hệ thống chăm sóc sức khỏe, góp phần quan trọng vào việc bảo đảm y tế cho nhân dân và lực lượng kháng chiến tại địa phương.

2.3. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ y tế

Cùng với việc khám chữa bệnh và xây dựng hệ thống bệnh viện, Việt Nam chú trọng đào tạo đội ngũ y tế cho Lào bằng

nhiều hình thức phù hợp, từ huấn luyện ngắn hạn tại chỗ, bổ túc nghiệp vụ, đến cử học viên sang học tại Việt Nam, qua đó góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho ngành y tế cách mạng Lào.

Tổ chức các lớp đào tạo y tế ngắn hạn tại Lào

Ngay từ năm 1962, trong khuôn khổ triển khai Nghị định thư hợp tác giữa hai Chính phủ, các đoàn chuyên gia y tế Việt Nam đã chủ động mở rộng công tác đào tạo cán bộ y tế tại chỗ trên lãnh thổ Lào, đáp ứng yêu cầu cấp thiết về nhân lực y tế trong điều kiện chiến tranh. Nhiều hình thức huấn luyện ngắn và trung hạn đã được triển khai với nội dung chuyên môn được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp trình độ học viên và điều kiện thực tiễn tại địa phương. Năm 1962, các chuyên gia y tế Việt Nam mở một lớp đào tạo y tá dài hạn kéo dài 7 tháng và có 9 học viên hoàn thành chương trình và đủ khả năng công tác độc lập. Song song đó, một lớp y tá ngắn hạn 3 tháng đã được mở với 29 học viên tham dự nhằm phục vụ trực tiếp cho nhu cầu quân y của lực lượng vũ trang Pathet Lào. Trong lĩnh vực y tế chuyên sâu, các bác sĩ chuyên khoa gây mê của Việt Nam đã tổ chức một khóa huấn luyện kỹ thuật gây mê kéo dài 2 tháng cho 12 học viên, góp phần nâng cao chất lượng điều trị tại các bệnh viện tuyến trước (28). Bên cạnh các khóa học chính quy, các lớp đào tạo tập trung dành riêng cho lực lượng bộ đội cũng được hình thành, hướng đến việc xây dựng đội ngũ y tá chiến trường và cứu thương viên tại đơn vị. Các chuyên gia Việt Nam còn đảm nhiệm việc đào tạo nhân lực chuyên ngành như: y tá gây mê hồi sức, nhân khoa, tai - mũi - họng, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm; đồng thời trực tiếp hướng dẫn công tác tổ chức, quản lý và vận hành bệnh viện, bệnh xá trong điều kiện

bán dã chiến. Điểm đáng chú ý trong quá trình đào tạo là các chương trình không chỉ giới hạn trong phạm vi chuyên môn y khoa, mà còn lồng ghép giáo dục văn hóa, chính trị, đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng tăng gia sản xuất. Đây là cách tiếp cận toàn diện để xây dựng một đội ngũ cán bộ y tế cơ sở vững về y thuật, thạo về công tác dân vận và có bản lĩnh chính trị, phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Lào trong giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc và kiến thiết đất nước.

Tiếp nhận cán bộ y tế Lào sang đào tạo tại Việt Nam

Song song với việc triển khai các lớp huấn luyện tại chỗ trên đất Lào, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn tổ chức tiếp nhận cán bộ và nhân viên y tế từ Lào sang học tập, thực hành tại các cơ sở đào tạo và điều trị trong nước.

Tháng 6-1962, theo Nghị định thư ký kết giữa Bộ Y tế hai nước Lào và Việt Nam, Việt Nam tiếp nhận 25 học sinh y tế Lào theo học tại các cơ sở đào tạo y tế Việt Nam, bao gồm: y sĩ trung cấp, y sĩ sản khoa và được sĩ trung cấp. Cuối năm 1962, Bộ Y tế Việt Nam tiếp tục tiếp nhận 13 học sinh Lào, trong đó có 11 người theo học ngành dược và 2 người theo học ngành y. Đến ngày 3-1-1963, Việt Nam tiếp nhận thêm 12 học sinh Lào và theo Công hàm số 26-REC/63 ngày 30-1-1963, Việt Nam tiếp tục bổ sung 3 học sinh chuyên ngành dược. Tính đến ngày 4-2-1963, ngành y tế Việt Nam đã đào tạo tổng cộng 31 học sinh Lào (trong đó có 26 nam và 5 nữ) (29).

Ngoài các khóa đào tạo chính quy, Bộ Y tế Việt Nam còn tổ chức chương trình thực hành, bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn cho cán bộ y tế Lào đã qua đào tạo cơ bản. Theo công văn số 119/VT ngày 6 tháng 7 năm 1963, ba học sinh Lào tiếp tục được gửi đến Trường y sĩ Việt Bắc để đào tạo thành y sĩ

trung cấp. Đồng thời, một nhóm gồm 10 cán bộ y tế được tổ chức thực tập tại các cơ sở lâm sàng, bao gồm: 5 y tá khoa ngoại, 3 y tá gây mê và 2 cán bộ chuyên ngành vệ sinh phòng bệnh (30). Việc tiếp nhận đào tạo này không chỉ đáp ứng nhu cầu cấp bách về nhân lực y tế trong giai đoạn kháng chiến mà còn đặt nền móng cho mối quan hệ lâu dài, bền chặt giữa ngành y tế hai nước.

Nhằm tạo điều kiện học tập và sinh hoạt tốt nhất cho lưu học sinh Lào trong bối cảnh đặc biệt của quan hệ hợp tác kháng chiến giữa hai nước, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ban hành một chế độ chu cấp toàn diện, thể hiện sự quan tâm thiết thực đối với sự nghiệp đào tạo nhân lực y tế cho Lào. Theo đó, chế độ chu cấp được xác lập cụ thể theo trình độ đào tạo của học viên, bao gồm các khoản hỗ trợ bằng hiện vật đáp ứng các nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt và học tập. Với hệ thống chính sách chu cấp chu đáo và tổ chức hậu cần hợp lý, Việt Nam không chỉ bảo đảm điều kiện học tập thuận lợi cho lưu học sinh Lào mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm quốc tế sâu sắc, góp phần quan trọng vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có năng lực và bản lĩnh cho sự nghiệp cách mạng và kháng chiến của nhân dân Lào.

3. Một số nhận xét

Trước hết, quá trình chi viện được thực hiện trên cơ sở pháp lý chặt chẽ, với việc ký kết hàng loạt hiệp định, nghị định thư, công hàm và kế hoạch chi viện chi tiết giữa hai Chính phủ. Những văn kiện pháp lý này tạo ra một khuôn khổ hợp tác, giúp công tác viện trợ được triển khai đồng bộ, hiệu quả và có tính kế thừa, đồng thời thể hiện sự tin cậy lẫn nhau giữa hai Nhà nước, vừa là minh chứng cho chính sách đối

ngoại nhất quán và nhân văn của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh chiến tranh ác liệt và tình hình chính trị khu vực đầy biến động.

Thứ hai, hoạt động chi viện y tế đã thể hiện rõ tầm nhìn chiến lược của Việt Nam trong việc hỗ trợ cách mạng Lào củng cố hậu phương và mở rộng vùng giải phóng. Việt Nam không chỉ cung cấp thuốc men, trang thiết bị y tế cần thiết mà còn cử các chuyên gia y tế, bác sĩ, được sĩ sang trực tiếp hỗ trợ công tác phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh, chăm sóc thương bệnh binh và đào tạo nguồn nhân lực y tế bản địa. Thông qua hoạt động này nhằm giúp Lào từng bước hình thành và phát triển một hệ thống y tế kháng chiến đủ sức ứng phó với điều kiện chiến tranh và thiếu thốn kéo dài. Việc xây dựng các cơ sở y tế dã chiến, bệnh viện di động và tổ chức các lớp đào tạo cán bộ y tế không chỉ góp phần cải thiện mạng lưới y tế mà còn nâng cao năng lực chuyên môn, tạo nền tảng lâu dài cho hệ thống y tế cách mạng Lào.

Thứ ba, chi viện y tế của Việt Nam đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao vị thế và sức mạnh của cách mạng Lào trên nhiều phương diện. Không chỉ đơn thuần là hỗ trợ vật chất, những hoạt động này còn là biểu tượng sinh động cho mối quan hệ đồng chí anh em giữa hai dân tộc Việt - Lào, thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, “giúp bạn là tự giúp mình” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự hỗ trợ của Việt Nam trên lĩnh vực y tế không những cứu chữa thương binh, khống chế dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân mà còn củng cố lòng tin, tinh thần chiến đấu của lực lượng cách mạng và nhân dân Lào đối với chính quyền cách mạng. Qua đó, nâng cao năng lực tổ chức và sự bền bỉ trong kháng chiến, góp phần trực tiếp vào sự thắng lợi chung trên chiến trường Đông Dương.

Thứ tư, các hoạt động chi viện không chỉ tập trung vào việc giải quyết những vấn đề y tế cấp thiết trước mắt, mà còn hướng tới mục tiêu lâu dài là nâng cao năng lực tự lực tự cường của ngành y tế Lào, từng bước hình thành nền y tế phục vụ kháng chiến và nhân dân. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận khách quan rằng quá trình chi viện y tế trong giai đoạn này còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế nhất định. Trước hết, lực lượng y tế của Việt Nam trong những năm đầu sau 1954 còn tương đối non trẻ, nguồn nhân lực và trang thiết bị còn thiếu thốn, chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu về cả số lượng và chất lượng. Hơn nữa, địa hình hiểm trở, điều kiện chiến tranh ác liệt, cơ sở hạ tầng yếu kém của vùng giải phóng Lào cũng gây trở ngại không nhỏ cho việc vận chuyển vật tư, thiết lập và duy trì các cơ sở y tế hoạt động hiệu quả.

Có thể nói rằng, quá trình chi viện trên lĩnh vực y tế của Việt Nam dành cho Lào từ năm 1954 đến 1964 là một minh chứng rõ

nét cho tình đoàn kết quốc tế trong khuôn khổ quan hệ đặc biệt Việt - Lào. Sự hỗ trợ toàn diện, kịp thời và có hệ thống không chỉ góp phần quan trọng vào việc củng cố và phát triển hệ thống y tế cách mạng của Lào, mà còn là nhân tố then chốt giúp nâng cao sức khỏe nhân dân, bảo vệ lực lượng cách mạng trong bối cảnh chiến tranh khốc liệt. Đồng thời, đây cũng là biểu hiện sinh động của tinh thần “giúp bạn là tự giúp mình” và chủ trương đối ngoại đúng đắn, nhất quán của Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Những thành quả từ công tác chi viện y tế không chỉ làm sâu sắc thêm mối quan hệ anh em, gắn bó giữa hai dân tộc Việt - Lào, mà còn đặt nền móng vững chắc cho sự phối hợp hợp tác toàn diện trên nhiều lĩnh vực trong những năm tiếp theo, qua đó góp phần khẳng định vai trò quan trọng của hợp tác y tế trong sự nghiệp cách mạng và phát triển bền vững của cả hai quốc gia.

CHÚ THÍCH

(1). Tác giả tổng hợp thông tin từ Hồ sơ số 7818, Tập tài liệu của Phủ thủ tướng Bộ Y tế, Bộ ngoại giao về việc viện trợ cơ sở y tế và cán bộ y tế cho Lào năm 196; Phòng Bộ Y tế, Trung tâm lưu trữ Quốc gia III.

(2). Trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng, Hồ sơ 223, *Bộ Chính trị báo cáo Trung ương Đảng về tình hình mới và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Lào*, ngày 02-7-1959, Phòng Quân ủy Trung ương.

(3). Trước đó, Ban Tiếp tế Trung ương có chức năng đảm trách nhiệm vụ hậu cần đối với Lào.

(4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (13), (23). Trung tâm lưu trữ Quốc gia (TTLTQG) III, Phòng Bộ Y tế, Hồ sơ số 5832 về việc Việt Nam viện trợ chuyên gia y tế thuốc men cho Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào năm 1962.

(12), (14), (24), (25), (26), (27). TTLTQG III, Phòng Bộ Y tế, Hồ sơ 5887; Báo cáo tình hình viện trợ y tế cho Vương quốc Lào năm 1963.

(15), (16), (17). TTLTQG III, Phòng ủy ban kế hoạch nhà nước, Hồ sơ số 5940; Về việc chuyên gia đi công tác Lào năm 1964.

(18), (21), (22), (28), (29). TTLTQG III, Phòng Bộ Y tế, Hồ sơ số 7818, Tập tài liệu của Phủ thủ tướng Bộ Y tế, Bộ ngoại giao về việc viện trợ cơ sở y tế và cán bộ y tế cho Lào năm 1962.

(19), (20). TTLTQG III, Phòng Bộ Y tế, Hồ sơ số 5816; Báo cáo hoạt động của đoàn y tế Việt Nam công tác tại Phongsaly, Phonsavanh-Lào năm 1962.

(30). TTLTQG III, Phòng Ủy ban kế hoạch nhà nước, Hồ sơ số 5899, Về việc nhận đào tạo và các chế độ cho lưu học sinh Lào tại Việt Nam.